

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH LONG THÀNH
Số: 713 /PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Long Thành, ngày 18 tháng 6 năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Chi tiết về bồi thường, hỗ trợ Dự án Vành đai 4 Thành Phố Hồ Chí Minh (đoạn qua xã Bình An, thành phố Đồng Nai) - (Đợt 3)

1. Thông tin người sử dụng đất:

- Họ và tên: : Võ Lộc Thành

Mã số định danh/số căn cước: 075079008626; Ngày cấp: 12/08/2021.

Địa chỉ thường trú: tổ 16, ấp An Bình, xã Bình An, thành phố Đồng Nai.

Số điện thoại: 0981983365

- Cùng sử dụng đất với : Võ Thị Hương Lan

Mã số định danh/số căn cước: 0931820004096 Ngày cấp: 12/08/2021.

Địa chỉ thường trú: phường Long Thành, thành phố Đồng Nai

2. Vị trí, diện tích, loại đất, nguồn gốc đất thu hồi, tài sản:

Vị trí đất: Xã Bình An.

Diện tích đất thu hồi: 644,8 m² (Trong đó, thu hồi trong ranh dự án: 644,8m², người dân đề nghị thu hồi: 0 m²).

Loại đất thu hồi: Đất trồng cây lâu năm (CLN).

2.1. Về nguồn gốc đất:

Theo giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Bình An số 17/2026/VĐ4 ngày 28/4/2026;

Ngày 06/11/2025, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Long Thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 04894427 và AA 04894428 cho ông Võ Lộc Thành và bà Võ Thị Hương Lan (Đồng sử dụng), thửa đất số 117 tờ bản đồ số 59, diện tích 6.497,7 m², mục đích sử dụng đất CLN. Trong đó, diện tích nằm trong ranh dự án là 644,8 m², diện tích còn lại là 5.852,9 m². (Theo trích lục bản đồ địa chính do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh khu vực Nhơn Trạch thực hiện ngày 14/3/2026)

Hiện ông Võ Lộc Thành và bà Võ Thị Hương Lan sử dụng ổn định, không có tranh chấp

2.2. Vị trí thửa đất:

Theo Văn bản xác nhận số 44/VPĐK.LT-TTLT ngày 02/6/2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Đồng Nai chi nhánh Long Thành

2.3. Về nguồn gốc nhà, công trình, vật kiến trúc:

Theo giấy xác nhận nguồn gốc đất của UBND xã Bình An số 17/2026/VĐ4 ngày 28/4/2026. Tại thời điểm kiểm đếm, trên phần diện tích thu hồi có tài sản trên đất là cây trồng, không có nhà ở, công trình và vật kiến trúc; không tranh chấp

3. Giá đất và tài sản tính tiền bồi thường:

3.1. Giá đất (nếu có):

Đơn giá bồi thường về đất: Căn cứ Nghị quyết 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Nghị định



số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn Nghị quyết 254/2025/QH15; Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 03/2026/QĐ - UBND ngày 11 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đồng Nai; Văn bản số 1201/SNNMT-ĐĐ ngày 20 tháng 5 năm 2026; Văn bản số 2023/SNNMT-ĐĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Theo phụ lục I kèm theo Quyết định số 03/2026/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường đối với các thửa đất theo các tuyến đường giao thông qua địa bàn xã Bình An với hệ số $K = 1,45$.

3.2. Giá nhà ở, công trình vật kiến trúc, cây trồng và các chính sách hỗ trợ khác (nếu có):

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 2/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai.

3.3. Giá trị bồi thường, hỗ trợ bằng tiền:

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
I	Bồi thường về đất									325.371.735	
1	Thửa đất số 117, tờ bản đồ số 59									325.371.735	
-	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1, phạm vi 1; Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường đất: Có bề rộng từ ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1000m; Có bề rộng ≥ 3m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500m	m²	191,1	450.000	1,45		0,9	100		112.223.475	
-	Đất trồng cây lâu năm; Vị trí 1, phạm vi 1; Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bàu Lùng đoạn từ Tỉnh lộ 769 đến Hết ranh thửa đất số 4 tờ BĐĐC số 53 có hiện trạng là đường đất: Có bề rộng từ ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1000m; Có bề rộng ≥ 3m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500m	m²	453,7	450.000	1,45		0,9	80		213.148.260	
II	Cây trồng									19.994.995	
1	Cây cao su Năm thu hoạch thứ 11- 15	Cây	30	612.404				100		18.372.120	
2	Keo lai. Keo tai tượng. Keo lá tràm. Keo lười liềm. Bạch đàn camal. Bạch đàn lai. Bạch đàn uro đường kính > 25 cm	(đồng/cây)	1	172.153				100		172.153	
3	Keo lai. Keo tai tượng. Keo lá tràm. Keo lười liềm. Bạch đàn camal. Bạch đàn lai. Bạch đàn uro đường kính > 20 – 25 cm	(đồng/cây)	2	163.247				100		326.494	
4	Keo lai. Keo tai tượng. Keo lá tràm. Keo lười liềm. Bạch đàn	(đồng/cây)	2	146.733				100		293.466	

STT	TÊN TÀI SẢN	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số			Tỷ lệ (%)		Thành tiền (đồng)	Ghi chú
					PL1	PL2	PL3	BT	HT		
	camal. Bạch đàn lai. Bạch đàn uro đường kính > 15 - 20 cm										
5	Nhóm II gồm 40 loài (danh sách tên loài theo Phụ lục VI kèm theo) đường kính > 33- 36cm	(đồng/cây)	1	830.762				100		830.762	cây dầu
III	Các chính sách HT									1.710.000	
1	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất: Hỗ trợ ổn định đời sống, đơn giá = 19.000 đồng/kg x 30 kg gạo/tháng x 3 tháng	Nhân khẩu	2	1.710.000					50	1.710.000	
CỘNG										347.076.730	
THƯỜNG DI DỜI										16.000.000	
TỔNG CỘNG										363.076.730	

Viết bằng chữ: Ba trăm sáu mươi ba triệu, không trăm bảy mươi sáu ngàn, bảy trăm ba mươi đồng.

4. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư, giá bán nhà ở tái định cư cho người được bố trí tái định cư hoặc giao đất khác cho hộ gia đình, cá nhân: Không

5. Vị trí, diện tích, tiền sử dụng đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân: Không

6. Số tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai:

Xác định tại thời điểm chi trả tiền bồi thường trên cơ sở thông tin về nghĩa vụ tài chính do Chi cục thuế cơ sở 5 tỉnh Đồng Nai xác định.

7. Số tiền được ghi nợ tiền sử dụng đất khi được giao đất tái định cư: Không

8. Việc bố trí tái định cư, thời gian và kinh phí tạm cư: Không

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Bồi thường ngày 18/6/2026 của Hội đồng bồi thường xã Bình An về việc thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đường Vành đai 4 và Dự án Đường 769. Nay, Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành hoàn chỉnh lại phương án.

Phương án này thay thế cho Phương án số 461/PA-TTPTQĐ.CNLT-TBT ngày 16/6/2026 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất chi nhánh Long Thành.

Trên đây là phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho Võ Lộc Thành; Võ Thị Hương Lan thuộc dự án Dự án Vành đai 4 Thành Phố Hồ Chí Minh (đoạn qua xã Bình An, thành phố Đồng Nai) - (Đợt 3), thành phố Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- UBND Xã Bình An;
- BGĐ TTPTQĐ CNLT;
- Tổ Bồi thường (đ/c Nhật, đ/c Tạo);
- Nhóm nghiệp vụ (đ/c Nam);
- Lưu VT (đ/c Huệ)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Ngọc Thắng